



CÔNG TY CP DƯỢC – TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH  
CN CTY CP DƯỢC – TTBYT BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR) TẠI ĐÀ NẴNG  
76 Huỳnh Ngọc Huệ. P. An Khê, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng  
Tel : (0236) 3727568 \* Fax: (0236) 3727968

Chương trình

# VUI TẾT

Kính gửi: Quý khách hàng.

Lời đầu tiên, Bidiphar kính chúc Quý khách hàng Sức khỏe – May mắn – Thịnh Vượng.

Bidiphar trân trọng thông báo đến Quý khách hàng là Nhà thuốc, Hiệu thuốc, Đại lý, Quầy lẻ, Công ty TNHH Dược bán hàng OTC... về nội dung chương trình chi tiết như sau:

I. Thời gian áp dụng: Từ ngày 17/01/2019 đến 31/01/2019.

II. Danh mục: DBD1, DBD2 đính kèm.

III. Nội dung chi tiết:

- Quý khách mua mặt hàng bất kì trong danh mục DBD1, DBD2 đạt doanh số tích lũy nhóm yêu cầu (chưa VAT) sẽ được chọn lựa khuyến mãi theo từng nhóm, cụ thể như sau:

| Nhóm hàng | Doanh số tích lũy nhóm yêu cầu<br>(triệu đồng) | Khuyến mãi                                                                    |                                          |
|-----------|------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|
|           |                                                | Lựa chọn 1:<br>Doanh số tích lũy quy đổi nhận<br>01 thùng bia Heineken 24 lon | Lựa chọn 2:<br>Tỉ lệ khuyến mãi tiền mặt |
| DBD1      | Ds $\geq$ 2,7 trđ                              | Cứ mỗi 2,7 triệu đồng                                                         | 14%                                      |
| DBD2      | Ds $\geq$ 1,6 trđ                              | Cứ mỗi 1,6 triệu đồng                                                         | 24%                                      |

- Trường hợp Quý khách vừa nhận bia vừa nhận tiền mặt: phần doanh số còn lại (sau khi trừ doanh số quy đổi nhận bia), khách hàng sẽ được khuyến mãi tiền mặt theo tỉ lệ lựa chọn 2.

IV. Các vấn đề liên quan:

- Phần khuyến mãi tính trên doanh số theo giá bán buôn chưa VAT.
- Đơn giá sản phẩm (chưa VAT) có thể thay đổi theo thời điểm.
- Khi tham gia chương trình này, Quý khách không hưởng tỉ lệ chiết khấu ngay trên hóa đơn của từng mặt hàng theo hợp đồng.
- Quý khách vẫn hưởng quyền lợi của chương trình Mừng Xuân.
- Doanh số chương trình được cộng vào hợp đồng kinh tế OTC năm 2019 đã ký kết.

**RẤT HÂN HẠNH PHỤC VỤ QUÝ KHÁCH**

**BIDIPHAR**



ĐS. Nguyễn Văn Ty

# DANH MỤC ĐÍNH KÈM CHƯƠNG TRÌNH VUI TẾT

Áp dụng từ 14/01/2019 đến 31/01/2019

| Stt | Tên sản phẩm                   | Qui cách               | ĐVT | Giá BB<br>(chưa VAT) | Danh mục |
|-----|--------------------------------|------------------------|-----|----------------------|----------|
| 1   | Amelicol H/100                 | V/10 - H/100 - T/4000  | VNM | 600                  | DBD1     |
| 2   | Amoxicilin 250mg H/12 gói      | H/12 - T/1680          | GOI | 1.000                | DBD1     |
| 3   | BDF Gluco vita C TPBVSK - BỈ   | BỈ/12 - H/720 - T/5760 | VNE | 160                  | DBD1     |
| 4   | Berberin 100mg H/200           | V/10 - H/200 - T/4800  | VNA | 580                  | DBD1     |
| 5   | Berberin 50mg L/100            | L/100 - T/35000        | VNE | 260                  | DBD1     |
| 6   | Berberin Bidiphar              | L/100 - T/35000        | VNE | 260                  | DBD1     |
| 7   | Biceflexin 500 H/100           | V/10 - H/100 - T/4800  | VNA | 1.500                | DBD1     |
| 8   | Bidiclor 500 H/20              | V/10 - H/20 - T/2080   | VNA | 6.200                | DBD1     |
| 9   | Bidicozan H/3+3                | H/3+3 - T/102          | HOP | 63.000               | DBD1     |
| 10  | Bidimoxxy 500 H/100            | V/10 - H/100 - T/4800  | VNA | 1.050                | DBD1     |
| 11  | Bidiplex                       | V/10 - H/60 - T/2160   | VNM | 800                  | DBD1     |
| 12  | Bidisol H/1                    | H/1 - T/216            | LO  | 12.500               | DBD1     |
| 13  | Bidivit AD H/100               | V/10 - H/100 - T/4000  | VNM | 320                  | DBD1     |
| 14  | Biferon H/100                  | V/10 - H/100 - T/3600  | VNM | 630                  | DBD1     |
| 15  | Biferon L/60                   | L/60 - T/4320          | VNM | 630                  | DBD1     |
| 16  | Bikozol H/1                    | H/1 - T/432            | TUB | 5.000                | DBD1     |
| 17  | Biragan 150 H/10               | V/5 - H/10 - T/1760    | VDD | 1.800                | DBD1     |
| 18  | Biragan 300 H/10               | V/5 - H/10 - T/1760    | VDD | 2.000                | DBD1     |
| 19  | Biragan 500 H/100 (Alu-Alu)    | V/10 - H/100 - T/3000  | VBF | 400                  | DBD1     |
| 20  | Biragan 500 H/100 (Alu-PVC)    | V/10 - H/100 - T/4500  | VBF | 340                  | DBD1     |
| 21  | Biragan 500 H/16               | V/4 - H/16 - T/1152    | VNS | 1.200                | DBD1     |
| 22  | Biragan 650 H/100              | V/10 - H/100 - T/4500  | VNE | 420                  | DBD1     |
| 23  | Biragan Extra H/100            | V/10 - H/100 - T/4500  | VNE | 460                  | DBD1     |
| 24  | Biragan Kids 150               | H/12 - T/1296          | GOI | 1.200                | DBD1     |
| 25  | Biragan Kids 250               | H/12 - T/1296          | GOI | 1.400                | DBD1     |
| 26  | Biragan Kids 325 H/12          | H/12 - T/1080          | GOI | 1.800                | DBD1     |
| 27  | Bisilkon H/1                   | H/1 - T/280            | TUB | 7.600                | DBD1     |
| 28  | Bonevit H/20                   | H/20 - T/960           | VNS | 2.600                | DBD1     |
| 29  | Calci vita H/24                | H/24 - T/384           | ONG | 3.300                | DBD1     |
| 30  | Celerzin 10mg (vi nhôm) H/20   | V/10 - H/20 - T/3840   | VBF | 300                  | DBD1     |
| 31  | Ciprofloxacin 0,3% H/1         | H/1 - T/320            | LO  | 4.200                | DBD1     |
| 32  | Ciprofloxacin 500 (hồng) H/100 | V/10 - H/100 - T/6400  | VBF | 900                  | DBD1     |
| 33  | Claritab 500 H/20              | V/5 - H/20 - T/1680    | VBF | 5.000                | DBD1     |
| 34  | Clyodas 150 H/50               | V/10 - H/50 - T/4800   | VNA | 1.200                | DBD1     |
| 35  | Clyodas 300 H/20               | V/10 - H/20 - T/3000   | VNA | 2.000                | DBD1     |
| 36  | Gentamicin 0,3% H/1            | H/1 - T/320            | LO  | 2.500                | DBD1     |
| 37  | Hydrocortison H/1+1            | H/1+1 - T/192          | HOP | 14.000               | DBD1     |
| 38  | Kingdomin ® H/20               | V/4 - H/20 - T/1440    | VNS | 1.100                | DBD1     |
| 39  | Kingdomin-vita C H/20          | V/4 - H/20 - T/1440    | VNS | 1.500                | DBD1     |
| 40  | Lacbiosyn ® gói - H/100        | H/100 - T/3600         | GOI | 1.300                | DBD1     |
| 41  | Magnesium - B6 H/50            | V/10 H/50 - T/4800     | VBF | 280                  | DBD1     |
| 42  | Menystin (vi xé) H/20          | V/10 - H/20 - T/1920   | VNE | 1.200                | DBD1     |
| 43  | Methyldopa 250mg H/100         | V/10 - H/100 - T/6000  | VBF | 1.500                | DBD1     |
| 44  | Neutrifore H/100               | V/10 - H/100 - T/4800  | VBF | 1.300                | DBD1     |
| 45  | Neutrivit 5000 H/4+4           | H/4+4 - T/45           | HOP | 38.000               | DBD1     |
| 46  | Ninosat                        | H/1 - T/96             | LO  | 15.000               | DBD1     |
| 47  | Nudipyl 400 H/60               | V/15 - H/60 - T/6300   | VNA | 500                  | DBD1     |
| 48  | Nudipyl 800 H/60               | V/15 - H/60 - T/6300   | VBF | 720                  | DBD1     |
| 49  | Nước cất pha tiêm 5ml          | V/5 - H/50 - T/1000    | ONG | 750                  | DBD1     |

|     | Tên sản phẩm                     | Qui cách               | DVT | Giá BB<br>(chưa VAT) | Danh mục |
|-----|----------------------------------|------------------------|-----|----------------------|----------|
| 50  | Oraptic 20 H/20                  | V/4 - H/20 - T/1680    | VNA | 660                  | DBD1     |
| 51  | Oresol new H/20                  | H/20 - T/960           | GOI | 1.100                | DBD1     |
| 52  | Soli-Medon 125                   | H/1+1 - T/162          | HOP | 50.000               | DBD1     |
| 53  | Soli-medon 40                    | H/1+1 - T/162          | HOP | 20.000               | DBD1     |
| 54  | Stagerin (vi nhôm) H/50          | V/10 - H/50 - T/5600   | VNE | 270                  | DBD1     |
| 55  | Tenoxicam 20mg H/1+1             | H/1+1 - T/192          | HOP | 10.000               | DBD1     |
| 56  | Tinidazol 500mg H/20             | V/10 - H/20 - T/4800   | VBF | 1.000                | DBD1     |
| 57  | Vitamin E Bidiphar H/100         | V/10 - H/100 - T/3600  | VNM | 900                  | DBD1     |
| 58  | Vitamin E Bidiphar L/100         | L/100 - T/7200         | VNM | 900                  | DBD1     |
| 59  | Zolgyt H/20                      | V/10 - H/20 - T/3600   | VBF | 1.400                | DBD1     |
| 60  | $\alpha$ chymotrypsin 5000 H/3+3 | H/3+3 - T/102          | HOP | 21.000               | DBD1     |
| 61  | Albinax 70mg                     | V/4 - H/4 - T/1200     | VNE | 5.000                | DBD2     |
| 62  | Aleucin H/30                     | V/10 - H/30 - T/6300   | VNE | 1.100                | DBD2     |
| 63  | Altamin H/100                    | V/10 - H/100 - T/1800  | VNM | 1.200                | DBD2     |
| 64  | Ambidil 5 H/100                  | V/10 - H/100 - T/4800  | VNA | 490                  | DBD2     |
| 65  | Atorlog 20 H/30                  | V/10 - H/30 - T/2700   | VBF | 1.500                | DBD2     |
| 66  | Augbidil 1g H/14                 | V/7 - H/14 - T/784     | VBF | 9.000                | DBD2     |
| 67  | Augbidil 250mg/31.25mg H/12      | H/12 - T/1440          | GOI | 4.000                | DBD2     |
| 68  | Augbidil 500mg/62.5mg H/12       | H/12 - T/1440          | GOI | 7.000                | DBD2     |
| 69  | Augbidil 625 H/14                | V/7 - H/14 - T/1008    | VBF | 6.000                | DBD2     |
| 70  | BDFGlamic H/100                  | V/20 - H/100 - T/12800 | VNE | 400                  | DBD2     |
| 71  | Bicebid 100 H/100                | V/10 - H/100 - T/3000  | VNA | 2.300                | DBD2     |
| 72  | Bicebid 100 H/12                 | H/12 - T/1080          | GOI | 3.800                | DBD2     |
| 73  | Bicebid 200 H/100                | V/10 - H/100 - T/2400  | VNA | 3.700                | DBD2     |
| 74  | Bicefdox 500 H/20                | V/10 - H/20 - T/3840   | VNA | 2.100                | DBD2     |
| 75  | Bidacin H/30                     | V/10 - H/30 - T/3600   | VNA | 2.500                | DBD2     |
| 76  | Bidiferon H/100                  | V/10 - H/100 - T/6000  | VBF | 600                  | DBD2     |
| 77  | Bidinatec 10 H/30                | V/10 - H/30 - T/5760   | VNE | 850                  | DBD2     |
| 78  | Bidisamin 500 H/100              | V/10 - H/100 - T/3600  | VNA | 800                  | DBD2     |
| 79  | Bidisamin® extra H/100           | V/10 - H/100 - T/2800  | VBF | 2.500                | DBD2     |
| 80  | Bidizem 60                       | V/10 - H/30 - T/5910   | VNE | 1.000                | DBD2     |
| 81  | Bifacold H/30                    | H/30 - T/2880          | GOI | 1.100                | DBD2     |
| 82  | Bifradin H/10                    | V/10 - H/10 - T/1920   | VNA | 2.350                | DBD2     |
| 83  | Bifucil                          | V/10 - H/10 - T/1800   | VBF | 3.500                | DBD2     |
| 84  | Bifumax 125 H/10                 | H/10 - T/930           | GOI | 6.000                | DBD2     |
| 85  | Bifumax 250 H/10                 | V/5 - H/10 - T/990     | VBF | 4.300                | DBD2     |
| 86  | Bifumax 500 H/10                 | V/5 - H/10 - T/990     | VBF | 8.000                | DBD2     |
| 87  | Bilodin H/100                    | V/10 - H/100 - T/14700 | VNE | 380                  | DBD2     |
| 88  | Biloxcin Eye H/1                 | H/1 - T/320            | LO  | 8.500                | DBD2     |
| 89  | Biracin E H/1                    | H/1 - T/320            | LO  | 11.000               | DBD2     |
| 90  | Biresort 10 H/60                 | V/20 - H/60 - T/14400  | VNE | 600                  | DBD2     |
| 91  | Bixicam H/20                     | V/10 - H/20 - T/3840   | VNE | 700                  | DBD2     |
| 92  | Bồ huyết ịch não BDF H/60        | V/10 - H/60 - T/2160   | VNM | 1.500                | DBD2     |
| 93  | Calonate L/100                   | L/100 - T/5000         | VNA | 1.700                | DBD2     |
| 94  | Calonates Plus L/60              | L/60 - T/4320          | VNM | 2.700                | DBD2     |
| 95  | Cefubi -100DT H/20               | V/10 - H/20 - T/3840   | VPT | 5.000                | DBD2     |
| 96  | Devastin 10 H/30                 | V/10 - H/30 - T/5850   | VBF | 3.200                | DBD2     |
| 97  | Devastin 20 H/30                 | V/10 - H/30 - T/3000   | VBF | 4.500                | DBD2     |
| 98  | Eyetamin H/1                     | H/1 - T/183            | LO  | 14.000               | DBD2     |
| 99  | Eyexacin H/1                     | H/1 - T/320            | LO  | 20.000               | DBD2     |
| 100 | Galanmer H/100                   | V/10 - H/100 - T/4800  | VNA | 1.300                | DBD2     |
| 101 | Hoạt huyết đường não BDF H/60    | V/10 - H/60 - T/2160   | VNM | 950                  | DBD2     |
| 102 | HOKMINSENG TPBVSK - H/60         | V/5 - H/60 - T/1680    | VNM | 3.500                | DBD2     |

|     | Tên sản phẩm         | Qui cách               | ĐVT         | Giá BB<br>(chưa VAT) | Danh mục |
|-----|----------------------|------------------------|-------------|----------------------|----------|
| 103 | Ircovas 150 H/30     | V/10 - H/30 - T/4800   | VBF         |                      |          |
| 104 | Kingloba H/100VNM    | V/10 - H/100 - T/3600  | VNM         | 3.500                | DBD2     |
| 105 | Lacbiosyn®           | V/10 - H/100 - T/3000  | VNA         | 1.200                | DBD2     |
| 106 | Latoxol H/1          | H/1 - T/110            | LO          | 1.300                | DBD2     |
| 107 | Latoxol Kids H/1     | H/1 - T/100            | LO          | 22.000               | DBD2     |
|     |                      |                        |             | 18.000               | DBD2     |
| 108 | Lazibet MR 60 H/30   | V/15 - H/30 - T/5850   | VNE (GPCKS) | 2.800                | DBD2     |
| 109 | Livethine tab H/100  | V/10 - H/100 - T/8000  | VBF         | 1.400                | DBD2     |
| 110 | Mefomid 850 H/30     | V/10 - H/30 - T/4500   | VBF         | 900                  | DBD2     |
| 111 | MisterPro® L/20      | L/20 - T/90            | VNA         | 12.000               | DBD2     |
| 112 | Nabee gold L/100     | L/100 - T/7200         | VNM         | 3.200                | DBD2     |
| 113 | Neucotic H/100       | V/10 - H/100 - T/4800  | VNA         | 3.200                | DBD2     |
| 114 | Pretty-eye H/1       | H/1 - T/183            | LO          | 12.000               | DBD2     |
| 115 | Soli-Medon 16 H/30   | V/10 - H/30 - T/5910   | VNE         | 2.600                | DBD2     |
| 116 | Soli-Medon 4 H/30    | V/10 - H/30 - T/5910   | VNE         | 800                  | DBD2     |
| 117 | Thìa canh Bidiphar   | L/60 - T/3600          | VNA         | 3.000                | DBD2     |
| 118 | Tobidex H/1          | H/1 - T/320            | LO          | 16.000               | DBD2     |
| 119 | Tocimat 120 H/50     | V/10 - H/50 - T/3000   | VBF         | 2.000                | DBD2     |
| 120 | Tocimat 180 H/50     | V/10 - H/50 - T/3000   | VBF         | 2.800                | DBD2     |
| 121 | Tocimat 60 H/50      | V/10 - H/50 - T/3000   | VBF         | 1.200                | DBD2     |
| 122 | Tozinax H/100        | V/10 - H/100 - T/10800 | VNE         | 520                  | DBD2     |
| 123 | Tozinax syrup H/1    | H/1 - T/64             | LO          | 23.000               | DBD2     |
| 124 | Vaginax H/14         | V/7 - H/14 - T/1456    | VDD         | 7.500                | DBD2     |
| 125 | Waisan               | V/10 - H/100 - T/5600  | VBF         | 660                  | DBD2     |
| 126 | α- chymotrypsin H/30 | V/10 - H/30 - T/5910   | VNE         | 880                  | DBD2     |

Chi nhánh Bidiphar Đà Nẵng



DS. Nguyễn Văn Tỵ

## THÔNG BÁO THỰC HIỆN KHUYẾN MẠI

Kính gửi : Sở Công Thương Thừa Thiên Huế

Tên doanh nghiệp : Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Dược – Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar) tại Đà Nẵng.  
Địa chỉ trụ sở chính : 76 Huỳnh Ngọc Huệ, P. An Khê, Q. Thanh Khê, Tp Đà Nẵng.  
Điện thoại : 02363.727.568 Fax : 02363.727.968  
Email : cn\_danang@bidiphar.com  
Mã số thuế : 4100259564-016  
Số tài khoản : 113000067674 tại Ngân Hàng Công Thương Việt Nam Chi Nhánh Đà Nẵng.  
Người liên hệ : Nguyễn Văn Tý Điện Thoại : 0903.502.098.

Căn cứ Luật Thương Mại, Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính Phủ quy định chi tiết Luật Thương Mại về hoạt động xúc tiến thương mại, Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Dược – Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar) tại Đà Nẵng thông báo thực hiện chương trình khuyến mại như sau :

1. Tên chương trình khuyến mại : **VUI TẾT**
2. Địa bàn (Phạm vi) khuyến mại : Huế và Thành Phố Huế.
3. Hình thức khuyến mại : Bia Heineken 24 lon, tiền mặt
4. Thời gian khuyến mại : từ ngày 17/01/2019 đến ngày 31/01/2019.
5. Hàng hóa, dịch vụ khuyến mại : hàng Bidiphar sản xuất .
6. Hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại : Bia Heineken 24 lon, tiền mặt.
7. Khách hàng của chương trình khuyến mại (đối tượng được hưởng khuyến mại): Các khách hàng khối Nhà thuốc, Hiệu thuốc, Đại lý thuốc, các quầy lẻ bán thuốc, Công Ty TNHH được bán hàng OTC.
8. Cơ cấu giải thưởng :
9. Tổng giá trị giải thưởng : 100.000.000 đ ( Một trăm triệu đồng chẵn).
10. Nội dung chi tiết của chương trình khuyến mại : tài liệu đính kèm

Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Dược – Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar) tại Đà Nẵng cam kết thực hiện đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về chương trình khuyến mại trên theo quy định của pháp luật hiện hành.

Nơi Nhận :

- Như trên
- Lưu VT

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH



DS. Nguyễn Văn Tý